

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2024
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn Nam.

- Ông Đặng Hữu Tấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số C, tổ A, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

- **Bị đơn:** Ông Lương Tuấn P, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, tổ A, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số G, khu dân cư B, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích T trình bày: bà và ông P thông qua quen biết và đi đến hôn nhân vào năm 2000, vợ chồng có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Vợ chồng sống không hạnh phúc do ông Phi thường x đánh số đề nợ tiền nhiều người, bà cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông P.

- Về con chung: có 02 con chung tên là Lương Tấn T1, sinh ngày 12/4/2011 (đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Lương Thị Khả T2, sinh ngày 17/4/2008. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà bán cá ở chợ, thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Lương Tuấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ông P có ý kiến trình bày như sau:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với nội dung trình bày của bà T về thời điểm kết hôn và quá trình chung sống. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Ông thừa nhận có mượn nợ người khác số tiền 8.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân cho bản thân ông và chơi số đề, chơi số kiến thiết. Do sợ người khác đòi nợ và mang tai tiếng thiếu nợ nên ông dọn về nhà anh họ của ông tại địa chỉ số G, khu dân cư B, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang từ tháng 7/2023 đến nay. Tuy nhiên, ông vẫn thường xuyên đi đi về về nhà vợ để thăm vợ con và đưa tiền cho bà T trả nợ. Ông vẫn còn tình cảm với bà T và muốn hàn gắn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung tên là Lương Tấn T1, sinh ngày 12/4/2011 (đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Lương Thị Khả T2, sinh ngày 17/4/2008, cháu T2 hiện tại đang ở chung với vợ ông. Tòa án đã công bố biên bản ghi ý kiến cháu T2 cho ông P1, ông cũng tôn trọng ý kiến của con, đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do bà T không có yêu cầu cấp dưỡng nên ông sẽ chu cấp cho cháu T2 theo khả năng tài chính của ông.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị Bích T yêu cầu ly hôn với ông Lương Tuấn P. Ông P có nơi cư trú tại xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Bích T và ông Lương Tuấn P xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà T và ông P cùng trình bày thống nhất việc ông P có chơi số đề, số kiến thiết nên ông P dọn về nhà anh họ của ông tại địa chỉ số G, khu dân cư B, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang từ tháng 7/2023 đến nay, gây ra tình trạng khó khăn về kinh tế trong gia đình, điều này gây ra mâu thuẫn nghiêm trọng giữa bà T và ông P. Bà T xác định không còn tình cảm với ông P, hôn nhân không hạnh phúc nên bà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Ông P không đồng ý ly hôn do ông vẫn còn yêu thương vợ con và muốn hàn gắn tình cảm.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, giữa vợ và chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, tôn trọng và cùng nhau chăm lo cho cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, giữa bà T và ông P đã phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng xuất phát từ việc ông P chơi số đề, số kiến thiết và nợ tiền người khác, hiện nay bà T xác định không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, mâu thuẫn không giải quyết được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên là Lương Tấn T1, sinh ngày 12/4/2011 (đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Lương Thị Khả T2, sinh ngày 17/4/2008, cháu T2 hiện tại đang ở chung với bà T. Xét thấy, từ khi bà T và ông P không còn chung sống với nhau thì cháu T2 sống với bà T cho đến nay, cháu đã ổn định về chỗ ở và điều kiện sinh hoạt, bà T hiện đang có công việc ổn định với mức thu nhập hằng tháng khoảng 6.000.000 đồng – 7.000.000 đồng đảm bảo các điều kiện cần thiết cho việc nuôi dưỡng cháu T2, mặt khác tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 26/01/2024 cháu T2 có nguyện vọng được sống với mẹ, ông P cũng đồng ý để bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu T2, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: do bà T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà T và ông P trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: bà T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 1

Điều 235, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Bích T được ly hôn ông Lương Tuấn P.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Lương Thị Khả T2, sinh ngày 17/4/2008.

Bà Huỳnh Thị Bích T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lương Tuấn P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông Lương Tuấn P không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông P thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001412 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà T đã nộp xong.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Lương Tuấn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên